

----/---/----

=====

BIÊN BẢN CHẤM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 1 K56

Học kì II- Năm học 2008- 2009

Môn thi: *Phương pháp nghiên cứu khoa học*

Ngày chấm thi:...../...../.....

Ngày lên điểm:...../...../.....

STT	Số phách	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Họ và tên	Số báo danh	Ghi chú
1	2	7	Bảy chẵn	Bùi Thị An	001	
2	3	8	Tám chẵn	Quách Thị Ba	002	
3	4	7	Bảy chẵn	Nguyễn Thị Dung	003	
4	5	8	Tám chẵn	Phan Thị Kim Dung	004	
5	6	7	Bảy chẵn	Triệu Thị Dung	005	
6	7	6	Sáu chẵn	Ngô Thị Đông	006	
7	8	5	Năm chẵn	Trần Thị Hương Giang	007	
8	9	7	Bảy chẵn	Lê Hoàng Hà	008	
9	10	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Hồng Hà	009	
10	11	6	Sáu chẵn	Lương Thị Hải	010	
11	12	7	Bảy chẵn	Đỗ Thị Thu Hạnh	011	
12	13	6	Sáu chẵn	Đinh Thị Thu Hằng	012	
13	14	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Hằng	013	
14	15	6	Sáu chẵn	Lưu Thị Hiền	014	
15	16	6	Sáu chẵn	Ma Thị Ngọc Hoa	015	
16	17	7	Bảy chẵn	Trần Thị Thu Hoài	016	
17	18	6	Sáu chẵn	Phạm Thị Huế	017	
18	19	7	Bảy chẵn	Trần Thị Huế	018	
19	20	7	Bảy chẵn	Nguyễn Thị Liên	019	
20	21	7	Bảy chẵn	Mê Diệu Linh	020	
21	22	6	Sáu chẵn	Nguyễn Hoàng Linh	021	
22	23	7	Bảy chẵn	Lý Văn Lương	022	
23	24	7	Bảy chẵn	Nguyễn Thị Mây	023	
24	25	6	Sáu chẵn	Lê Thị Nga	024	
25	26	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Thuý Ngân	025	
26	27	6	Sáu chẵn	Lê Văn Nghĩa	026	
27	28	6	Sáu chẵn	Quan Thị Nguyệt	027	
28	29	7	Bảy chẵn	Trương Ngọc Oanh	028	
29	30	7	Bảy chẵn	Nguyễn Thị Ánh Phương	029	
30	31	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Phương	030	
31	32	6	Sáu chẵn	Hà Thị Quế	031	
32	33	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Thanh	032	
33	34	7	Bảy chẵn	Lô Thị Thảo	033	
34	35	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Phương Thảo	034	
35	36	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Thắm	035	
36	37	6	Sáu chẵn	Đinh Thị Thoa	036	
37	38	7	Bảy chẵn	Bùi Thị Thuý	037	
38	39	6	Sáu chẵn	Đặng Thị Hồng Thuý	038	
39	40	7	Bảy chẵn	Lê Thị Thư	039	
40	41	8	Tám chẵn	Bùi Đức Tiến	040	
41	42	7	Bảy chẵn	Trần Thị Tuyên	041	
42	43	6	Sáu chẵn	Nguyễn Đức Cẩn	042	
43	44	6	Sáu chẵn	Vũ Thị Thuý Dương	043	
44	45	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Đan	044	

STT	Số phách	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Họ và tên	Số báo danh	Ghi chú
45	46	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Giang	045	
46	47	6	Sáu chẵn	Lữ Thị Hà	046	
47	48	7	Bảy chẵn	Tào Thị Hà	047	
48	49	6	Sáu chẵn	Trần Thị Thu Hà	048	
49	50	7	Bảy chẵn	Đặng Thị Hải	049	
50	51	6	Sáu chẵn	Bùi Thị Hậu	050	
51	52	8	Tám chẵn	Lê Thị Hiền	051	
52	53	7	Bảy chẵn	Ngô Thị Phương Hiền	052	
53	54	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Hoa	053	
54	55	7	Bảy chẵn	Phạm Thị Thuý Hồng	054	
55	56	7	Bảy chẵn	Trần Thị Út Huệ	055	
56	57	7	Bảy chẵn	Vũ Thu Hương	056	
57	58	7	Bảy chẵn	Nguyễn Thị Hường	057	
58	59	6	Sáu chẵn	Hà Thị Huyền Linh	058	
59	60	7	Bảy chẵn	Phạm Thị Linh	059	
60	61	5	Năm chẵn	Vũ Thị Thu Linh	060	
61	62	6	Sáu chẵn	Trần Thị Ngoan	061	
62	63	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	062	
63	64	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Nhân	063	
64	65	7	Bảy chẵn	Bùi Thị Lan Phương	064	
65	66	6	Sáu chẵn	Đặng Thị Quy	065	
66	67	6	Sáu chẵn	Lê Văn Thái	066	
67	68	7	Bảy chẵn	Dương Thị Thảo	067	
68	69	6	Sáu chẵn	Đặng Thị Thảo	068	
69	70	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Thảo	069	
70	71	5	Năm chẵn	Nguyễn Thị Thơm	070	
71	72	7	Bảy chẵn	Nguyễn Thị Thu	071	
72	73	6	Sáu chẵn	Hà Thị Thuần	072	
73	74	7	Bảy chẵn	Nguyễn Thị Thuý	073	
74	75	6	Sáu chẵn	Vi Thị Ngọc Thuý	074	
75	76	6	Sáu chẵn	Phạm Thị Thuý	075	
76	77	6	Sáu chẵn	Dương Thị Mai Thương	076	
77	78	6	Sáu chẵn	Dương Thị Tư	077	
78	79	8	Tám chẵn	Hoàng Thị Thuý Vân	078	
79	80	5	Năm chẵn	Nguyễn Ngọc Hoàng	079	
80	81	5	Năm chẵn	Nguyễn Thị Diệu Huyền	080	
81	82	6	Sáu chẵn	Phạm Quang Hùng	081	
82	83	6	Sáu chẵn	Hoàng Vũ Hải Long	082	
83	84	6	Sáu chẵn	Nguyễn Bá Thiệp	083	
84	85	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Thuý Dương	084	
85	86	6	Sáu chẵn	Phạm Văn Hải	085	
86	87	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Như Hoa	086	
87	88	6	Sáu chẵn	Nguyễn Việt Hồng	087	
88	89	6	Sáu chẵn	Bùi Hồng Huệ	088	
89	90	5	Năm chẵn	Phạm Xuân Huy	089	
90	91	5	Năm chẵn	Hà Thị Thu Hương	090	
91	92	6	Sáu chẵn	Phạm Thị Lan	091	
92	93	6	Sáu chẵn	Nguyễn Thị Ngọc	092	
93	94	5	Năm chẵn	Lục Hải Quỳnh	093	
94	95	5	Năm chẵn	Trần Như Quỳnh	094	
95	96	6	Sáu chẵn	Phạm Thị Hồng Thái	095	
96	97	5	Năm chẵn	Nguyễn Phương Thảo	096	

STT	Số phách	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Họ và tên	Số báo danh	Ghi chú
97	98	5	Năm chẵn	Nguyễn Thị Vân Thu	097	
98	99	5	Năm chẵn	Đỗ Thị Thanh Thủy	098	
99	100	5	Năm chẵn	Nguyễn Thị Thu Trang	099	
100	101	5	Năm chẵn	Nguyễn Thị Tuyết	100	
101	102	5	Năm chẵn	Nguyễn Thanh Tùng	101	
102	103	5	Năm chẵn	Lại Thị Lệ Xuân	102	
103	1	7	Bảy chẵn	Nguyễn Thị Hải Yến	103	

Người lên điểm

Người kiểm tra

Ban chủ nhiệm khoa duyệt